

Số: /BNNMT-KHTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v rà soát, điều chỉnh Kịch bản tăng trưởng
ngành Nông nghiệp và Môi trường
6 tháng cuối năm 2025

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Công văn số 6425/VPCP-KTTH ngày 10/7/2025 của Văn phòng Chính phủ về xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2025 và phúc đáp Công văn số 10482/BTC-NSNN ngày 11/7/2025 của Bộ Tài chính về báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP và đề xuất mục tiêu, giải pháp tăng trưởng năm 2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi báo cáo rà soát, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng ngành Nông nghiệp và Môi trường 6 tháng cuối năm 2025 (*Chi tiết tại Báo cáo kèm theo văn bản này*).

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu tổng hợp, hoàn thiện Kịch bản báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, KHTC, TM.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

BÁO CÁO

Rà soát, điều chỉnh Kịch bản tăng trưởng ngành Nông nghiệp và Môi trường 6 tháng cuối năm 2025

(kèm theo Công văn số /BNNMT-KHTC ngày tháng 7 năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 6425/VPCP-KTTH ngày 10/7/2025 của Văn phòng Chính phủ về xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2025, phúc đáp Công văn số 10482/BTC-NSNN ngày 11/7/2025 của Bộ Tài chính về báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP và đề xuất mục tiêu, giải pháp tăng trưởng năm 2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo về tình hình thực hiện số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên, đề xuất chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025, với các nội dung chủ yếu như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Sáu tháng đầu năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến mới, nhanh chóng, phức tạp, khó lường; căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự tiếp tục leo thang tại một số quốc gia, khu vực; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; chiến tranh thương mại chưa chấm dứt, chính sách thuế quan của Hoa Kỳ liên tục thay đổi, ảnh hưởng sâu sắc đến môi trường đầu tư, kinh doanh toàn cầu, triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới suy giảm.

Ở trong nước, dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Tổng Bí thư Tô Lâm; Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương đã nắm chắc tình hình, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực; hoàn thành khối lượng công việc rất lớn, phức tạp, chưa từng có tiền lệ trong thời gian rất ngắn để triển khai cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp...

Bám sát các Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025. Toàn ngành NN&MT đã lấy phương châm **“Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tinh gọn hiệu quả, tăng tốc bút phá”** làm trọng tâm hành động; tiếp tục tăng cường hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính, góp phần nâng cao đóng góp của Ngành cho phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 25/NQ-CP

- Thực hiện Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng 8%; để tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp “Thích ứng linh hoạt, khơi thông nguồn lực, tăng tốc bứt phá”, phát triển sản xuất, hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Chính phủ giao tại các Nghị quyết: *Số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Bộ Nông nghiệp và Môi trường:*

(1) Kịp thời tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành các Công điện: Số 21/CĐ-TTg ngày 04/3/2025 điều hành đảm bảo cân đối cung cầu lúa gạo trước diễn biến thị trường thế giới và trong nước có nhiều diễn biến khó lường trong những tháng đầu năm 2025; số 71/CĐ-TTg ngày 23/5/2025 về một số nhiệm vụ thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu sầu riêng bền vững số 79/CĐ-TTg ngày 31/5/2025 về chủ động triển khai các biện pháp bảo đảm sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản.

(2) Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đã ban hành Nghị quyết 05-NQ/ĐU ngày 20/3/2025 về thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản;

(3) Quyết định số 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành và tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS năm 2025, tại. Theo đó, phấn đấu đạt mục tiêu tốc độ tăng trưởng Ngành năm 2025 từ 4% trở lên (trong đó, tốc độ tăng GTGT cả năm đối với lĩnh vực nông nghiệp là 3,85%, lĩnh vực lâm nghiệp là 5,47%, lĩnh vực thủy sản là 4,35% và tốc độ tăng từng quý, 6 tháng, 9 tháng đối với các lĩnh vực này) và tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 65 tỷ USD (phấn đấu đạt 70 tỷ USD), kế hoạch xác định 08 nhóm nhiệm vụ giải pháp chủ yếu với 28 nhiệm vụ cụ thể; ban hành các quyết định của triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng của từng lĩnh vực. Theo đó, các lĩnh vực sản xuất cũng chủ động xây dựng kịch bản tăng trưởng, xuất khẩu để bảo đảm mục tiêu chung của Ngành.

(4) Quyết định số 2396/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về Kế hoạch thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025 để đạt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt 65 tỷ USD năm 2025. Ngoài ra, Bộ ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai kịp thời các Công điện của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về đạo bảo đảm sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu nông lâm thủy sản; kịp thời giải đáp kiến nghị, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng.

(5) Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ

đạo Trung ương và căn cứ Kế hoạch số 09-KH/BCSCLTW của Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương về việc xây dựng Đề án “Các giải pháp chiến lược thúc đẩy tăng trưởng kinh tế **“2 con số”** trong Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, Bộ đã hoàn thành nghiên cứu, xây dựng 01 Báo cáo tổng hợp và 03 Báo cáo chuyên đề gửi Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương¹.

II. KẾT QUẢ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Về sản xuất và tăng trưởng Ngành

- **Cả nước:** Trong mức tăng trưởng GDP 7,52% của cả nước 6 tháng đầu năm (chưa đạt kịch bản 7,6%), có đóng góp quan trọng của Nông nghiệp thể hiện vai trò “trụ đỡ”, *bảo đảm an ninh lương thực Quốc gia, đóng góp quan trọng cho ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế*.

- Khu vực NLTS:

+ **Quý I đạt 3,80%** cao nhất Quý I của các năm gần đây và cao hơn (0,1%) mức trong Kịch bản tăng trưởng theo Quý²; trong đó: nông nghiệp tăng 3,53%; lâm nghiệp tăng 7,76%; thủy sản tăng 4,03%).

+ **Quý II đạt 3,89%**³ chưa đạt mục tiêu kịch bản (thấp hơn 0,21%); trong đó: nông nghiệp tăng 3,5%; lâm nghiệp tăng 7,16%, thủy sản tăng 4,36%).

+ **Sáu tháng: đạt 3,84%** (nông nghiệp ước tăng **3,51%**; lâm nghiệp tăng **7,42%**, thủy sản tăng **4,21%**), tiệm cận với mục tiêu kịch bản tăng trưởng tại QĐ 681 (3,9%) và là mức tăng trưởng cao thứ 2 trong giai đoạn 2021 – 2025 (6 tháng các năm: 2024 +3,64%; 2023 +3,26%; 2022 +3,36% và 2021 +4,55%).

Có được kết quả trên là nhờ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản có mức tăng cao sản lượng, năng suất, giá trị gia tăng; kiểm soát tốt, không chế dịch bệnh, phòng chống cháy rừng; phòng chống thiên tai, tiếp tục bảo đảm cân đối cung - cầu, nguồn bảo đảm nguồn cung lương thực thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và cân đối cho xuất khẩu; cụ thể:

a) Trồng trọt:

* **Lúa:** Cả nước đã gieo cấy được khoảng **5,2 triệu** hecta (ha) lúa, tăng 0,03% so cùng kỳ năm trước (CKNT); diện tích lúa đã thu hoạch ước đạt **3,33 triệu ha**, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng ước trên diện tích thu

¹ (1) Báo cáo tổng hợp “Các giải pháp, chiến lược thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số” trong Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam của lĩnh vực NN và MT”; (2) Ba báo cáo chuyên đề: (i) Giải pháp chiến lược nâng cao hiệu quả sử dụng đất/tài nguyên cho mục tiêu tăng trưởng “2 con số”; (ii) Giải pháp chiến lược quản lý tác động tiêu cực đến môi trường, biến đổi khí hậu trong quá trình thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”; (iii) Giải pháp chiến lược phát triển nông nghiệp xanh, hiện đại cho mục tiêu tăng trưởng “2 con số”.

² Tăng trưởng GTGT quý I các năm: 2024 +3,5%; 2023 +2,92%; 2022 +2,67% và 2021 + 3,51%

³ Tăng trưởng GTGT quý II các năm: 2024 +3,77%; 2023 +3,5%; 2022 +3,35% và 2021 + 5,09%

hoạch đạt trên **22,7 triệu tấn**, tăng 1,7%.

- *Lúa Đông xuân*: Cả nước gieo cấy 2,97 triệu ha, tăng 16,2 nghìn ha (tăng 0,5%); năng suất bình quân đạt 68,5 tạ/ha, giảm 0,3 tạ/ha (giảm 0,5%) so với vụ trước; sản lượng thu hoạch đạt 20,4 triệu tấn, tăng 17,3 nghìn tấn (tăng 0,1%) so với vụ đông xuân năm 2024 do diện tích gieo trồng tăng.

- *Lúa Hè thu*: Các địa phương đã xuống giống được 1.773,6 nghìn ha, tăng 1,8%, trong đó vùng ĐBSCL đạt 1.369,4 nghìn ha, tăng 2,0%; đã có 241,7 nghìn ha lúa hè thu sớm tại vùng ĐBSCL cho thu hoạch, tăng 2,6%.

* **Rau, màu**: Vụ Đông năm 2024-2025, tiến độ chậm hơn cùng kỳ do ảnh hưởng sau bão số 3 (Yagi) nhiều diện tích đất phải cải tạo phục hồi mới đi vào sản xuất, sản lượng một số cây trồng như sau: Ngô 1.859,8 nghìn tấn, tăng 1,0%; rau các loại đạt 10,6 triệu tấn, tăng 2,4%; khoai lang ước đạt 515,1 nghìn tấn, giảm 8,2%.

* **Cây lâu năm**: Hầu hết sản lượng các loại cây ăn trái và cây công nghiệp đều tăng do cả diện tích cho sản phẩm và nhiều loại cây sử dụng giống cho năng suất và chất lượng cao, phù hợp với thị:

- Nhóm cây ăn quả: Sản lượng tăng khá, như: sản lượng xoài ước đạt 720,2 nghìn tấn, tăng 9%; sầu riêng đạt 534,6 nghìn tấn, tăng 16,3%; mít đạt 462,2 nghìn tấn, tăng 17,3%; dứa đạt 443 nghìn tấn, tăng 16,3%; nhãn đạt 211,6 nghìn tấn, tăng 6,8%; vải đạt 163,8 nghìn tấn, tăng 30,8%; thanh long đạt 622,4 nghìn tấn, tăng 4,7%; cam đạt 539,5 nghìn tấn, tăng 2,4%. Riêng nho đạt 11,4 nghìn tấn, giảm 10,9%; chôm chôm đạt 170,4 nghìn tấn, giảm 0,8%.

- Nhóm cây công nghiệp: Sản lượng hầu hết cây công nghiệp đều tăng, như: Hồ tiêu ước đạt 258 nghìn tấn, tăng 6,4%; cao su (mủ khô) đạt 427,3 nghìn tấn, tăng 1,9%; chè búp đạt 546,6 nghìn tấn, tăng 2,9%; điều đạt 294,1 nghìn tấn, tăng 0,7%; dừa đạt 1.122,3 nghìn tấn, tăng 4,9%.

b) Chăn nuôi:

- Chăn nuôi lợn: Giá thịt lợn hơi tăng khá cao⁴ trong 6 tháng đầu năm 2025 đã khuyến khích người dân đầu tư mở rộng quy mô sản xuất. Đàn lợn tăng 3,8% (tổng đàn đạt 27,23 triệu con, không bao gồm 4,5-4,7 triệu lợn con chưa tách mẹ); sản lượng thịt lợn hơi 2,7 triệu tấn, tăng 5,9%;

- Chăn nuôi gia cầm: Tổng đàn khoảng 585,05 triệu con, tăng 4%; sản lượng thịt ước đạt 1,3 triệu tấn, tăng 4,9%; sản lượng trứng gia cầm 6 tháng đầu năm ước đạt 10,5 tỷ quả, tăng 4,3% (quý II ước đạt 5,3 tỷ quả, tăng 4,6%).

⁴ Chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi lợn 6 tháng đầu năm 2025 tăng 17,85% so với cùng kỳ.

- Chăn nuôi trâu, bò: Đàn trâu khoảng 2,06 triệu con, giảm 3,4%; sản lượng thịt trâu đạt 62,3 nghìn tấn, tăng 0,3%. Đàn bò khoảng 6,29 triệu con, giảm 0,6%, trong đó số bò sữa giảm 0,7%; sản lượng thịt hơi đạt 261,5 nghìn tấn, tăng 2,2%; sản lượng sữa bò tươi đạt 680,8 nghìn tấn, tăng 5,8%.

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi: Sản lượng thức ăn chăn nuôi hỗn hợp (TAHH) sản xuất trong nước 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 10,74 triệu tấn (giảm 2,04% so với cùng kỳ năm 2024), trong đó thức ăn cho lợn đạt 6,0 triệu tấn chiếm 55,9%, thức ăn cho gia cầm đạt 4,4 triệu tấn chiếm 40,9%, thức ăn cho trâu, bò, và vật nuôi khác đạt 0,34 triệu tấn chiếm 3,2%.

c) *Thủy sản*: Sáu tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản đạt 4.550,9 nghìn tấn, tăng 3,1% so với CKNT; trong đó; sản lượng khai thác đạt 1.971,7 nghìn tấn, tăng 1,0% (khai thác biển 1.883,6 nghìn tấn, tăng 1,0%); nuôi trồng đạt 2.579,2 nghìn tấn, tăng 4,9% (trong đó, cá tra 871,9 nghìn tấn, tăng 4,5%; tôm 533,5 nghìn tấn, tăng 6,4%).

d) *Lâm nghiệp*: Sáu tháng, thời tiết thuận lợi đối với hoạt động trồng rừng và khai thác rừng trồng. Bộ tập trung chỉ đạo, đôn đốc chuẩn bị cây giống, hiện trường trồng rừng. Lũy kế 6 tháng chuẩn bị 612,6 triệu cây giống, tăng 3,2% so CKNT; trồng được 153,5 nghìn ha, tăng 18,9%; sản lượng gỗ khai thác 11.181,7 nghìn m³, tăng 9,0%⁵; thu được 1.408,69 tỷ đồng tiền DVMTR, đạt 42,7% kế hoạch năm và tăng 10,5% so với CKNT.

2. Về tiêu thụ, phát triển thị trường và xuất khẩu NLTS

2.1. Chỉ đạo điều hành: Thực hiện nhiều giải pháp thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường trong quý II để đạt giá trị kim ngạch tối đa; gia tăng các hoạt động xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tận dụng 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết song phương và đa phương với các thị trường/khối thị trường⁶. Các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp chủ động đàm phán với đối tác; kết hợp nhà nhập khẩu tạo điều kiện cho đàm phán thuế quan.

- Công tác ứng phó với chính sách thuế quan của Hoa Kỳ được triển khai khẩn trương, hiệu quả và đạt được bước tiến quan trọng. Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ phân công, Bộ đã cử 01 Thứ trưởng tham gia Đoàn đàm phán Chính phủ về Hiệp định thương mại đối ứng với Hoa Kỳ, cử một số thành viên có kinh nghiệm trong đàm phán hiệp định thương mại tự do và đàm phán đa phương tham gia Tổ giúp việc và hỗ trợ cho Đoàn đàm phán Chính phủ; đồng thời thành lập Tổ

⁵ Theo số liệu của Trung tâm Chuyển đổi số và TKNN (riêng số liệu về cây giống, thu DVMTR theo Cục Lâm nghiệp và KL).

⁶ Châu Á (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Asean, Singapore, Malaysia, Brunei, Hong Kong, Israel, UAE, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan), châu Âu (EU, Vương quốc Anh, Nga, Belarus), châu Đại dương (Australia, New Zealand), châu Mỹ (Chi lê, Canada, Peru, Mexico).

công tác của ngành NNMT về thương mại đối ứng với Hoa Kỳ. Ngay từ khi ngày 3/4/2025 đến nay, đã tổ chức 05 Hội nghị tham vấn các Hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực NN&MT để đánh giá tác động, thảo luận biện pháp ứng phó với thuế quan của Chính quyền Trump và ban hành Kế hoạch hành động chi tiết của ngành nhằm giảm tác động tối đa và đảm bảo tăng trưởng ngành. Vào đầu tháng 6/2025, để tạo đà thuận lợi cho công tác đàm phán, Bộ tổ chức Đoàn xúc tiến thương mại sang Hoa Kỳ với sự tham gia của gần 50 cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội nông nghiệp. Phái đoàn đã tổ chức đối thoại kinh doanh tại Iowa, Ohio, Maryland và Washington DC, ký 20 biên bản ghi nhớ mua nông sản trị giá 03 tỷ USD.

- Tập trung xử lý các sự cố mất ATTP, đàm phán xử lý các rào cản kỹ thuật, mở rộng thị trường xuất khẩu⁷; tổ chức các Đoàn công tác thúc đẩy thương mại nông sản Việt Nam sang các thị trường Hoa Kỳ, Trung Quốc, Anh, Đức, Bỉ, Hà Lan; bổ sung các cơ sở xuất khẩu thủy sản vào các thị trường⁸;

- Phối hợp với Bộ Công Thương theo dõi sát, báo cáo kịp thời Ban chỉ đạo điều hành giá và Tổ điều hành thị trường trong nước, Ban chỉ đạo giá của Chính phủ diễn biến giá cả và nguồn cung các mặt hàng thiết yếu chuẩn bị cho nhu cầu tiêu dùng trong nước, nhất là nông sản đang và chuẩn bị vào vụ có sản lượng thu hoạch lớn (xoài, dưa, vải,...) và vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (phân bón, thức ăn chăn nuôi) để có biện pháp can thiệp kịp thời không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá; bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất và các chuỗi bán lẻ tăng cường đổi mới trong đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thương mại điện tử. Việc tiêu thụ nông sản qua sàn thương mại điện tử đã trở thành hướng đi tất yếu giúp người nông dân, hợp tác xã mở rộng thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm và giảm bớt sự phụ thuộc vào các kênh phân phối truyền thống. Kinh tế số đã “mở đường” cho các sản phẩm OCOP lên sàn, người dân lên mạng, thay đổi tư duy từ bán lẻ truyền thống sang thương mại điện tử, livestream bán hàng (phát video trực tuyến)⁹.

⁷ Giải quyết vụ việc liên quan đến xuất khẩu đường thực phẩm; sàu riêng xuất khẩu sang Trung quốc; thống nhất mẫu chứng thư sang Indonesia; góp ý dự thảo Biên bản ghi nhớ với Hàn Quốc; đã ký kết Bản ghi nhớ hợp tác nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc...

⁸ Nâng tổng số các cơ sở đến nay là: Hàn Quốc (813 cơ sở); EU (507 cơ sở); Trung Quốc (638 cơ sở); Liên minh kinh tế Á Âu (87 cơ sở); Hoa Kỳ (29 cơ sở); Braxin (192 cơ sở); Argentina (212); Indonesia (880); Đài Loan (807)

⁹ Một số kết quả: Tại Hà Giang, toàn bộ sản phẩm OCOP của tỉnh đều được đăng tải trên các nền tảng TMĐT như Voso, Sendo, Lazada, Buudien.vn... Trên 10.000 sản phẩm, đạt hơn 70% sản lượng OCOP quốc gia được giao dịch trên sàn Buudien.vn; tỉnh Thái Nguyên ra mắt Gian hàng sản phẩm của tỉnh trên sàn thương mại điện tử Shopee (ngày 07/01/2025); tỉnh Bắc Ninh đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ đưa sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, giúp nông dân tiếp cận gần hơn với nông nghiệp số, đồng thời địa phương cũng xây dựng ứng dụng “Sàn thương mại điện tử Bắc Ninh”

Nhờ phát huy các kết quả đạt được; sớm dự báo, phân tích, đánh giá đúng tình hình; điều tiết cung - cầu, thích ứng linh hoạt và triển khai kịp thời các giải pháp trong Kế hoạch hành động của Bộ ứng phó với chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ nhằm bảo đảm tăng trưởng bền vững của Ngành; Kế hoạch phát triển thị trường. Giá cả nông sản trong nước tương đối ổn định, không biến động nhiều; trong khi kết quả xuất khẩu NLTS duy trì đà tăng khá cao, nổi bật như:

2.2. Kết quả tiêu thụ trong nước và xuất - nhập khẩu

- Thị trường trong nước: Trong tháng 6, giá các mặt hàng nông lâm thủy sản biến động trái chiều. Giá thu mua ***lúa tươi*** vụ Hè Thu tại các tỉnh ĐBSCL có xu hướng giảm (100 – 300đ/kg), lúa khô tăng nhẹ; giá ***cà phê*** với nhân xô cũng chịu ảnh hưởng giảm giá mạnh trên thị trường cà phê thế giới, chỉ còn từ 95.500 – 96.000 đồng/kg (*mức thấp nhất kể từ giữa tháng 5/2024, đồng thời giảm 39.500 đồng/kg (tương đương 29,2%) so với mức đỉnh lịch sử 135.500 đồng/kg vào cuối tháng 3/2025*); giá nhiều loại ***trái cây*** giảm so với tháng trước do đang vào vụ thu hoạch rộ nên nguồn cung dồi dào¹⁰; Giá thu mua ***lợn hơi*** trong nước biến động trái chiều (*miền Bắc tăng 1.000 đồng/kg lên mức 68.000 – 69.000 đồng/kg, miền Trung - Tây Nguyên giảm 500 đồng/kg, dao động trong khoảng 68.000 - 73.000 đồng/kg; miền Nam giảm 1.000 đồng/kg xuống còn 71.000 - 73.000 đồng/kg*); ***gà thịt lông màu*** tăng từ 1.600 đồng/kg - 2.000 đồng/kg; giá ***tôm thẻ chân trắng*** và ***tôm sú*** nguyên liệu có xu hướng giảm từ 5.000đ/kg – 9.250 đ/kg tùy loại; Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL khá ổn định 30.750 đ/kg – 31.400 đ/kg.

- Xuất – nhập khẩu: Tổng kim ngạch xuất khẩu (XK) NLTS **33,84 tỷ USD**, tăng 15,5% so với CKNT, nhập khẩu 24 tỷ USD, tăng 23,4%; xuất siêu 9,83 tỷ USD, tăng 16,3% so với CKNT (cao hơn mức của nền kinh tế). Cụ thể:

+ ***Xuất khẩu:*** Tất cả các nhóm hàng xuất khẩu đều tăng so với CKNT, tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt **33,84 tỷ USD, tăng 15,5% và đạt 52,1% mục tiêu năm 2025**; trong đó: Nông sản 18,5 tỷ USD, tăng 17,8%; Lâm sản 8,82 tỷ USD, tăng 9,3%; Thủy sản 5,16 tỷ USD, tăng 16,9%; Sản phẩm chăn nuôi 264 triệu USD, tăng 10,1%; Dầu vào sản xuất 1,13 tỷ USD, tăng 23,6%.

Hầu hết các mặt hàng chủ lực đều đạt giá trị xuất khẩu cao hơn CKNT, như: ***Cà phê*** 5,45 tỷ USD, tăng 67,5%; ***cao su*** 1,27 tỷ USD, tăng 14,4%; ***điều*** 2,4 tỷ USD, tăng 20,4%; ***hồ tiêu*** 860 triệu USD, tăng 35,7%, **sắn và sản phẩm sắn** 712 triệu USD, tăng 12,8%; ***gỗ và sản phẩm gỗ*** 8,2 tỷ USD, tăng 8,9%; ***tôm*** 2,14 tỷ

¹⁰ Xoài cát Hòa Lộc giảm 13.000 đồng/kg xuống 48.000 đồng/kg; bưởi da xanh giảm 4.000 - 5.000 đồng/kg xuống 25.000 đồng/kg; thanh long ruột đỏ giảm 7.000 - 10.000 đồng/kg xuống 16.000 đồng/kg; sầu riêng Ri6 giảm 2.000 - 4.000 đồng/kg xuống 46.000 đồng/kg; ổi lê Đài Loan, bưởi năm roi, nhãn tiêu da bò đồng loạt giảm 3.000 - 4.000 đồng/kg xuống mức giá lần lượt là: 6.000 đồng/kg, 20.000 đồng/kg, 16.000 đồng/kg; xoài cát chu, cam sành giảm 2.000 - 3.000 đồng/kg xuống mức giá lần lượt là 36.000 đồng/kg; 13.000 đồng/kg; dưa hấu giảm 1.000 đồng/kg xuống 7.000 đồng/kg.

USD, tăng 30,4%; cá tra 925 triệu USD, tăng 8,0%. Riêng gạo 2,54 tỷ USD, giảm 12,2%, hàng rau quả 3,05 tỷ USD, giảm 8,4%; chè 98 triệu USD, giảm 7,5%

Giá XK bình quân một số nông sản đều tăng trên 2 con số: Giá cà phê 5.708 USD/T, tăng 59,1%; cao su 1.865 USD/T, tăng 22,4%; hồ tiêu 6.881 USD/T, tăng 54,8%; hạt điều 6.805 USD/T, tăng 23,8%. Riêng gạo 518 USD/T, giảm 18,4%; chè 1.675 USD/T, giảm 0,1%;...

Về thị trường: Thực hiện vừa cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, mở cửa thị trường mới (Trung Đông: Ả-rập Xê-út, ASEAN, Châu phi, Châu Mỹ: Braxin...), vừa chủ động, tích cực trực tiếp đàm phán ứng phó linh hoạt, hiệu quả với chính sách “Thuế đối ứng của Hoa Kỳ”; nhờ đó giá trị XK NLTS sang nhiều châu lục và thị trường tăng khá. Trong đó, Châu Mỹ 7,96 tỷ USD, tăng 18,7%; Châu Âu 5,29 tỷ USD, tăng 46,3%; Châu Phi 1,09 tỷ USD, tăng 99,5%; Châu Đại Dương 417 triệu USD, tăng 2,7%; Châu Á 14,2 tỷ USD, tăng 2,3%. **Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản** tiếp tục là 03 thị trường XK lớn nhất; **Hoa Kỳ chiếm 21,1%, tăng 16,0%**; Trung Quốc chiếm 17,6%, giảm 0,7% và Nhật Bản chiếm 7,2%, tăng 25,5%.

+ **Về nhập khẩu:** Sáu tháng nhập khẩu 24 tỷ USD, tăng 15,1%. Trong đó: Nông sản 14,9 tỷ USD, tăng 16,4%; sản phẩm chăn nuôi 2,1 tỷ USD, tăng 21,5%; thủy sản 1,6 tỷ USD, tăng 33,4%; lâm sản 1,54 tỷ USD, tăng 19,4%; đầu vào sản xuất 3,87 tỷ USD, tăng 1,0%; muối 15,9 tỷ USD, giảm 9,6%.

Giá trị NK NLTS từ châu Á tăng 21,8%, đạt 7,54 tỷ USD; châu Mỹ tăng 11,3%, đạt 5,93 tỷ USD; châu Âu tăng 8,6%, đạt 1,05 tỷ USD Châu Phi tăng 2,8%, đạt 695 triệu USD, châu Đại Dương giảm 0,6%, đạt 804 triệu USD.

3. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai

- Chỉ đạo công tác trực ban phòng chống lũ ngập lụt ứng theo quy chế, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành đảm bảo an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ. Ban hành công điện số 03/CĐ-TL-ATĐ ngày 11/6/2025 đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, đề phòng ngập lụt, ứng do mưa lớn ảnh hưởng của Bão số 1 ở các tỉnh, thành phố khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

- Hoàn thiện Đề án phòng, chống sạt lở, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng ĐBSCL đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; ban hành Chỉ thị số 02/CT-BNNMT ngày 08/5/2025 của Bộ trưởng về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa, lũ năm 2025.

- Theo dõi, đôn đốc, giám sát đơn vị khai thác hồ chứa quan trọng đặc biệt và hồ liên tỉnh vận hành hồ chứa trong mùa mưa, lũ đảm bảo an toàn công trình và giảm thiểu ngập lụt hạ du; đôn đốc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy lợi.

- Rà soát, báo cáo rõ về thẩm quyền và hình thức văn bản Quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tuyến đê hữu Kinh Thầy khu vực chân núi Sáu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương bảo đảm đúng quy định của Luật Quy hoạch (tại văn bản số 933/VPCP-NN ngày 07/02/2025 của Văn phòng Chính phủ); dự thảo văn bản Bộ lấy ý kiến Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, UBND tỉnh Hải Dương.

- Ban hành Kịch bản PCTT tại năm 2025 để thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành (văn bản số 1824/BNMT-ĐD ngày 07/5/2025). Hoàn thiện hồ sơ Đề án Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 42-CT/TW của BBT về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Sáu tháng, xảy ra 20 loại hình thiên tai¹¹; thiên tai làm 60 người chết, mất tích, 31 người bị thương; 2.970 nhà bị hư hỏng; 114.169 ha lúa, hoa màu; 3.218 ha cây trồng khác bị ảnh hưởng, ngập úng, thiệt hại; 4.698 con gia súc, 195.419 con gia cầm bị chết, cuốn trôi; 2.463 ha thủy sản bị thiệt hại; 9.894m kênh mương, bờ sông bờ biển bị sạt lở. Tổng thiệt hại khoảng **125,3 tỷ đồng**.

4. Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm

- Sáu tháng đầu năm, đơn đốc các địa phương thực hiện Kế hoạch năm 2025 về an toàn thực phẩm; ban hành **13** quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm¹²; **02** quyết định đình chỉ hiệu lực một phần phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm; cấp **02** Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm thực phẩm. Phối hợp với các địa phương tăng cường kiểm tra, kiểm soát về ATTP, đặc biệt tại các chợ đầu mối, cơ sở kinh doanh¹³.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Sáu tháng đầu năm, các địa phương tổ chức tổ chức hơn 1.628 hội nghị, hội thảo, phổ biến quy định về đảm bảo chất lượng, ATTP, chế biến và PTTT cho hơn 86.535 lượt cán bộ, doanh nghiệp, người dân tham dự; xây dựng và phát sóng hơn 5.479 lượt bản tin trên đài phát thanh, truyền hình, tin, bài trên báo điện tử và báo giấy, 2.413 băng rôn, khẩu hiệu, áp phích; hơn 161.808 tờ gấp, tờ rơi, tờ dán, poster; hơn 11.324 sổ tay, tài liệu tuyên truyền, tập huấn... .

- Tỷ lệ mẫu thực phẩm NLTS được giám sát đạt yêu cầu 98,3%, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ cơ sở SXKD được chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP đạt 98,6%, giảm 0,8%; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh NLTS ký cam

¹¹ Bão, ATNĐ, gió mạnh trên biển, mưa lớn, lũ, ngập lụt, đông lốc, mưa đá, rét hại, sương muối, sương mù, lũ quét, sạt lở đất, nắng nóng, xâm nhập mặn, động đất.

¹² Lũy kế đến nay đã chỉ định 51 cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về ATTP theo quy định tại Thông tư liên tịch 20/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT.

¹³ Lũy kế 6 tháng đầu năm đã thanh, kiểm tra 5.146 cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và NLTS, xử phạt hành chính 137 cơ sở (chiếm 2,67%), tăng so với 6 tháng đầu năm 2024 (10,2%) với số tiền phạt 1,63 tỷ đồng.

kết tuân thủ quy định ATTP đạt 93%, tăng 1%.

5. Tình hình phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công

- Tổng số vốn được giao năm 2025 là **23.381 tỷ đồng**¹⁴, Bộ đã phân bổ **19.531** tỷ đồng. Hiện nay, Chính phủ đã trình giảm 2.581 tỷ đồng kế hoạch năm 2025 của Bộ NN&MT. Như vậy, kế hoạch năm 2025 của Bộ là **20.800 tỷ đồng**. Hết tháng 6/2025, Bộ giải ngân **6.834 tỷ đồng** (đạt 29,23% số vốn giao đầu năm và **32,8%** số vốn 2025 sau khi điều chỉnh giảm 2.581 tỷ đồng).

- Chủ động, tích cực: **(i)** Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện về thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2025. **(ii)** Lập kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án và tuân thủ nghiêm kế hoạch giải ngân từng tháng, quý để các đơn vị thuộc Bộ đôn đốc, chỉ đạo phối hợp Chủ đầu tư triển khai thực hiện. **(iii)** Làm việc với các địa phương, chủ đầu tư để tháo gỡ, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ GPMB đặc biệt đối với các dự án quy mô lớn, dự án được giao nhiều vốn.

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM

I. RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG NGÀNH 6 THÁNG CUỐI NĂM VÀ CẢ NĂM

1. Tốc độ tăng trưởng: Đề góp phần tăng trưởng của cả nước đạt 8,3% - 8,5%, trên cơ sở kết quả Quý I, quý II và 6 tháng đầu năm và cân đối chung giữa các khu vực. Khu vực nông lâm thủy sản phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng năm 2025 đạt **3,85 – 4,0%**. Trong đó: VA lĩnh vực nông nghiệp đạt 3,7% - 3,75%; VA thủy sản tăng 4,2% - 4,3%; VA lâm nghiệp tăng 5,1 - 5,3%.

Tăng trưởng toàn Ngành phân kỳ theo từng quý, 9 tháng để phục vụ mục tiêu cả năm: Quý III tăng 3,85% - 3,9%; 9 tháng tăng 3,8 – 3,9%; Quý IV tăng 3,8% - 3,9%.

2. Tổng kim ngạch xuất NLTS: Trong bối cảnh, tác động của chính sách thuế quan tại thị trường Hoa Kỳ đối với hàng nông sản Việt Nam, xuất khẩu nông sản sẽ khó để đạt kim ngạch như 6 tháng đầu năm, dự kiến khoảng **62,5 – 63 tỷ USD**.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Toàn Ngành quyết liệt hơn trong hoạt động thực tiễn, khát vọng thành công hơn, tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, luật, chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và từng lĩnh vực theo hướng ***phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm, tích hợp***

¹⁴ Bộ Nông nghiệp và PTNT 22.339 tỷ đồng; Bộ Tài nguyên và Môi trường 1.042 tỷ đồng.

đa giá trị theo hướng giữ vững an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển **nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn**; chú trọng phát triển **nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn**, ứng dụng công nghệ cao; **phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương**. Trong đó, tập trung các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 ban hành Kế hoạch tăng trưởng Ngành và xuất khẩu NLTS năm 2025, trọng tâm các nội dung sau:

1. Về sản xuất nông lâm thủy sản

Với kết quả sản xuất và tăng trưởng của khu vực nông lâm thủy sản 6 tháng đầu năm để bảo đảm đạt được mục tiêu tăng trưởng năm của ngành được 4% trở lên và tổng kim xuất khẩu đạt 65 tỷ USD năm 2025 và tạo tiền đề duy trì mục tiêu tăng trưởng giai đoạn tiếp theo, cần triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy sản xuất, duy trì xuất khẩu trong bối cảnh khó khăn thách thức do chính sách thuế quan tại thị trường Hoa Kỳ và các biến động trên thị trường gây gián đoạn chuỗi cung ứng nông sản. Yêu cầu các lĩnh vực cần tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Quyết định 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành NN&MT và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025 và các Kế hoạch hành động của từng lĩnh vực chuyên ngành; thường xuyên theo sát tình hình sản xuất, thị trường để có giải pháp ứng phó kịp thời, bảo đảm mục tiêu cả năm.

1.1. Trồng trọt

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng và kim ngạch XK lĩnh vực trồng trọt (Quyết định số 770/QĐ-TTBTVP-VP ngày 11/4/2025). Theo dõi sát tình hình thời tiết khí tượng, thủy văn để chỉ đạo sản xuất trồng trọt, cập nhật tình hình gieo trồng, sinh trưởng phát triển, thu hoạch kịp thời, hiệu quả. Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (giống, phân bón, thuốc BVTV, quy trình canh tác...) vào sản xuất, đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng an toàn, hữu cơ, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu để nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh, giá trị nông sản.

+ *Đối với lúa gạo*: Duy trì diện tích gieo trồng khoảng 7 triệu ha, sản lượng 43 triệu tấn theo hướng tăng tỷ lệ lúa chất lượng cao và tăng diện tích các loại lúa đặc sản như lúa tôm, lúa rươi, lúa hữu cơ... để tăng giá trị của lúa gạo.

+ *Rau các loại*: Duy trì diện tích gieo trồng khoảng 1,04 triệu ha, sản lượng xấp xỉ **20 triệu tấn**, tăng 3,6% so với năm 2024.

+ *Cây ăn quả*: Sản lượng nhãn khoảng 689 nghìn tấn; vải khoảng 350 nghìn tấn, tăng 35-40% (do năm 2024 giai đoạn phân hóa mầm hoa bị thời tiết bất thuận); sầu riêng khoảng 1,7 triệu tấn, tăng hơn 13%; chuối khoảng 2,8 triệu tấn, tăng 2,6%; xoài khoảng 1,1 triệu tấn, tăng 2,5%; bưởi 1,23 triệu tấn, tăng 1,2%; mít 1,22 triệu tấn, tăng 5,3%; dứa 0,9 triệu tấn, tăng 7% so với năm 2024.

+ *Cây công nghiệp*: Sản lượng cà phê khoảng đạt 1.963,1 nghìn tấn, tăng 0,1%; cao su khoảng 1,35 triệu tấn, tăng 4%; tiêu khoảng 290 ngàn tấn, tăng 12%; điều khoảng 310 ngàn tấn, tăng 1%; chè khoảng 1,13 triệu tấn búp tươi, tương đương năm 2024.

- Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình phát sinh, phát triển của các đối tượng sinh vật gây hại; dự tính, dự báo chính xác và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả, bảo vệ an toàn sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo hướng chuyển những diện tích trồng lúa kém hiệu quả, diện tích 01 vụ lúa sang trồng các loại cây trồng khác chủ yếu là các loại cây trồng ngắn ngày có giá trị kinh tế cao hơn như rau màu, hoa, cây cảnh, chanh leo.... để tăng giá trị trên một đơn vị diện tích. Năm 2025, dự kiến diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa khoảng **120 nghìn ha** (chuyển sang trồng cây hàng năm khoảng 90 nghìn ha; chuyển sang trồng cây lâu năm khoảng 20 nghìn ha; chuyển sang trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản khoảng 10 ngàn ha); bảo đảm nguồn cung nông sản (cả lương thực, thực phẩm thiết yếu) phục vụ xuất khẩu, tiêu dùng trong nước và an ninh lương thực quốc gia.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp. Siết chặt quản lý mã số vùng trồng, thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng hàng nông sản ngay từ khâu thu hoạch... đáp ứng yêu cầu kiểm dịch hàng xuất khẩu.

- Tăng cường công tác bảo vệ thực vật, tổ chức trực ban chỉ đạo công tác phòng chống dịch và kịp thời xử lý các vùng dịch phát sinh; đặc biệt lưu ý các sinh vật gây hại trên lúa và cây trồng khác (ngô, rau màu, sắn, điều, hồ tiêu, cà phê, thanh long, cây có múi...).

- Kiểm tra, kiểm soát tốt đối tượng KDTV, sinh vật gây hại lạ đi theo hàng hóa nhập khẩu, đồng thời đáp ứng yêu cầu KDTV đối với hàng hóa xuất khẩu; siết chặt và tăng cường công tác quản lý đăng ký, khảo nghiệm thuốc BVTV; rà soát, đánh giá lại các cơ sở sản xuất phân bón. Theo dõi, giám sát thực hiện mô hình phát triển phân bón hữu cơ của doanh nghiệp theo tiến độ ký cam kết.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh

vùng đồng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”; đẩy mạnh phát triển các mô hình sản xuất hiệu quả.

1.2. Chăn nuôi

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng ngành chăn nuôi và kim ngạch XK sản phẩm chăn nuôi năm 2025 (*Quyết định số 19/QĐ-CNTY-KHTC ngày 11/4/2025*).

- Trên cơ sở thể chế, chính sách đã cơ bản được hoàn thiện, chỉ đạo các địa phương chuyển đổi ngành theo hướng quy hoạch lại, tập trung nguồn lực đầu tư vùng trọng điểm có lợi thế phát triển chăn nuôi tập trung gắn với cải tạo đất sản xuất nông nghiệp; phát triển công nghiệp giống, công tác nghiên cứu khoa học về giống vật nuôi, chọn tạo dòng/giống vật nuôi có năng suất tốt, phù hợp với các vùng, miền; công nghiệp sản xuất thức ăn; công nghệ môi trường; giết mổ; chế biến và sản xuất thiết bị chuồng trại để chủ động sản xuất.

- Đối với những địa phương chưa thể bố trí đất phù hợp cho hoạt động chăn nuôi hoặc các cơ sở chăn nuôi chưa thể di dời hoặc không thể chuyển đổi ngành nghề thì nghiên cứu, triển khai giải pháp cho phép các cơ sở chăn nuôi chưa thể di chuyển ngay được tiếp tục hoạt động và bắt buộc áp dụng công nghệ xử lý chất thải để giảm ô nhiễm trong thời gian chờ tìm địa điểm mới.

- Triển khai xây dựng hệ thống về truy xuất nguồn gốc cơ sở chăn nuôi và sản phẩm chăn nuôi. Nâng cao năng lực sản xuất và kiểm soát chất lượng con giống, tăng cường kiểm tra công tác quản lý chất lượng giống của các địa phương; công tác quản lý chất lượng TACN, kiểm soát sử dụng chất cấm, kháng sinh trong TACN...

- Kiểm soát tốt hơn nữa dịch bệnh: Chỉ đạo các địa phương triển khai chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh cấp vùng và cấp quốc gia; tiêm phòng và công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt trong bối cảnh trong quá trình sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy.

- Từng bước giảm phụ thuộc nhập khẩu bằng cách phát triển vùng nguyên liệu trong nước và áp dụng công nghệ hiện đại, ưu đãi tín dụng, đất đai cho doanh nghiệp phát triển vùng nguyên liệu và nhà máy sản xuất.

- Phối hợp, chỉ đạo Hội/Hiệp hội doanh nghiệp và người chăn nuôi tăng cường thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học; xây dựng liên kết sản xuất theo chuỗi ngay trong nội bộ các thành viên cũng như với các tác nhân của ngành hàng chăn nuôi, đảm bảo kết nối và chia sẻ thông tin về thị trường, minh bạch hơn về giá cả, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các tác nhân trong ngành hàng.

- Tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản xuất nâng cao khả năng cạnh tranh: quản lý chất lượng con giống, chất lượng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, môi trường; khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và quản lý; tận dụng nguyên liệu sẵn có địa phương, phụ phẩm công/nông nghiệp/thực phẩm để giảm nhập khẩu và nâng cao giá trị gia tăng.

- Rà soát, thắt chặt công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá nguy cơ, kiểm soát chặt biện pháp kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập vào Việt Nam.

- Tăng cường chuyển đổi số: Khuyến khích các doanh nghiệp/trang trại áp dụng KHCN, tiến bộ kỹ thuật và chuyển đổi số để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi; xây dựng và triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc cơ sở và sản phẩm chăn nuôi phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Thúc đẩy công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi: Tổ chức lại hệ thống giết mổ, tăng cường chế biến thực phẩm, đa dạng hóa sản phẩm; tăng cường chế biến phụ phẩm chế biến sau giết mổ làm TACN.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính để hỗ trợ doanh nghiệp trong các khâu quản lý sản xuất, xuất khẩu những mặt hàng có lợi thế (sữa và các sản phẩm từ sữa, lợn sữa, thịt lợn, thịt gà chế biến, yến, mật ong, tổ yến, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y); tiếp tục mở cửa thị trường xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi¹⁵.

1.3. Thủy sản

- Bám sát tình hình thời tiết, tình hình sản xuất và thông tin thị trường nhằm kịp thời chỉ đạo sản xuất thủy sản theo định hướng kế hoạch. Chủ động điều chỉnh lịch thời vụ phù hợp với điều kiện thủy văn từng vùng, nhằm giảm thiểu tác động bất lợi của biến đổi khí hậu như hạn hán, xâm nhập mặn, bão, và áp thấp nhiệt đới.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo và đoàn công tác để chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản. Hướng dẫn các địa phương tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về thủy sản cho người sản xuất, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản.

- Tăng cường công tác quan trắc, cảnh báo môi trường các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung. Kịp thời đưa ra cảnh báo, hướng dẫn người nuôi khôi phục sản

¹⁵ đẩy mạnh XK sang các thị trường đã được mở cửa như Nhật Bản, Nga và Liên minh kinh tế Á- Âu, Hồng Kông, Singapore, Trung Quốc; đàm phán mở cửa các thị trường mới, mở cửa thị trường cho các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh vào các thị trường tiềm năng: tổ yến và sản phẩm tổ yến, bò, cám gạo sang Trung Quốc; mật ong sang các thị trường khác như Châu Âu, Châu Phi và Trung Đông; chú trọng sản phẩm gà chế biến và thịt gà vào thị trường Halal; xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật sang các thị trường tiềm năng như Trung Quốc, Hàn Quốc, EU, các nước Hồi giáo Trung Đông...

xuất (*nếu xảy ra hiện tượng thủy sản chết*); hướng dẫn địa phương tăng cường kiểm soát các nguồn thải, nguồn gây ô nhiễm hạn chế thấp nhất hiện tượng thủy sản chết hàng loạt...

- Đẩy mạnh hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với các nghề khai thác có nguy cơ cạn kiệt nguồn lợi hoặc ảnh hưởng lớn đến môi trường biển. Hướng dẫn địa phương rà soát và tổ chức lại sản xuất nghề cá gắn với xây dựng tổ, đội sản xuất, hợp tác xã nghề cá. Kiểm tra việc công bố lại hạn ngạch khai thác vùng khơi, vùng lồng, vùng bờ theo đúng quy định.

- Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tàu cá hoạt động tại vùng giáp ranh và vùng biển xa, nhất là các tàu có nguy cơ cao vi phạm IUU. Đẩy mạnh kiểm tra, hậu kiểm hồ sơ xác nhận - chứng nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác, xử lý nghiêm các trường hợp làm giả hoặc khai báo sai thực tế. Phối hợp các lực lượng trên biển (*Kiểm ngư, Biên phòng, Cảnh sát biển*) tăng cường tuần tra, kiểm soát, hỗ trợ ngư dân bám biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo.

- Tiếp tục bám sát thông tin, chuẩn bị, có phương án đối với việc áp thuế đối ứng đối với thủy sản nói chung và việc áp thuế chống bán phá giá với Tôm Việt Nam tại thị trường Hoa Kỳ.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường; Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế, xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản Việt Nam. Tập trung xây dựng thương hiệu mạnh cho sản phẩm thủy sản Việt Nam, chú trọng các sản phẩm chủ lực (tôm, cá tra), giá trị gia tăng cao; đa dạng hoá các kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm thủy sản trong nước.

1.4. Lâm nghiệp

- Theo dõi, đôn đốc chuẩn bị đủ cây giống, hiện trường để trồng rừng theo kế hoạch, chủ động kiểm soát chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR tại các địa phương, đặc biệt tại các tỉnh có nguy cơ cao cháy rừng. Tổ chức các đoàn kiểm tra, đôn đốc công tác PCCCR tại các khu vực trọng điểm, có nguy cơ cao về cháy rừng.

- Tổ chức triển khai Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục đàm phán song phương với Hoa Kỳ để loại trừ hoặc điều chỉnh mức thuế không hợp lý đối với các dòng sản phẩm chứng minh được xuất xứ hợp pháp và minh bạch.

- Tìm hiểu và nghiên cứu thị trường để đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại để xuất khẩu sang các thị trường mới nổi như Braxin, Ấn độ, các nước Trung Đông (Saudi Arabia, United Arab Emirates), Úc, các nước Nam Mỹ và một số nước trong khu vực ASEAN.

- Đẩy mạnh tiêu dùng nội địa: Chính phủ Việt Nam đã triển khai chính sách giảm thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân nhằm kích thích tiêu dùng nội địa, mở ra cơ hội cho doanh nghiệp.

- Minh bạch về xuất xứ và truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp: Đẩy mạnh phát triển diện tích rừng trồng nguyên liệu có mã số vùng trồng, chứng chỉ quản lý rừng bền vững; tăng cường kiểm soát, quản lý truy xuất nguồn gốc gỗ đối với cả nguồn gỗ trong nước và nhập khẩu; kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ, hạn chế hoạt động trung chuyển hàng hóa qua Việt Nam để lẩn tránh thuế.

2. Phát triển thị trường thúc đẩy tiêu thụ nông sản

6 tháng cuối năm, cần đẩy nhanh việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; tăng cường thúc đẩy tiêu thụ tại thị trường trong nước; tăng cường các chương trình xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm, giao thương kết nối tiêu thụ tại thị trường trong nước và quốc tế; tập trung chuyển hướng thị trường cho nhóm sản phẩm chịu tác động lớn, có thể suy giảm mạnh tại thị trường truyền thống là *gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản, rau quả, hạt điều*.

a) Tiếp tục chỉ đạo rà soát lại Kế hoạch thúc đẩy xuất khẩu đạt 65 tỷ USD đã ban hành tại Quyết định số 2396/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 trên cơ sở đề xuất, rà soát của các đơn vị chuyên ngành về tình hình sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực để tập trung triển khai các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế sản xuất và tiêu thụ trong 6 tháng cuối năm 2025. Trong giai đoạn này cần có hành động quyết liệt để **tiếp tục duy trì xuất khẩu tại thị trường truyền thống** và bổ sung các dòng sản phẩm phù hợp, bổ sung một số nhóm hàng có thể **gia tăng giá trị xuất khẩu ở thị trường tiềm năng, như hàng thủy sản sang Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Asean; gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, EU; mặt hàng rau gia vị, trái cây tươi sang Hàn Quốc, Nhật Bản, Asean; cà phê sang Trung Quốc, Nhật Bản, Asean**. Đồng thời, tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp cụ thể sau:

- Tháo gỡ vướng mắc đối với các sản phẩm đang gặp khó khăn về thị trường, các sản phẩm có nguy cơ sụt giảm giá trị kim ngạch xuất khẩu nhằm duy trì thị trường truyền thống (*cá tầm, cá sấu, tôm hùm bông, sầu riêng, ớt, quả bưởi, quả chanh* vào thị trường Trung Quốc; *bám sát để xử lý kịp thời các vấn đề điều tra chống trợ cấp, chống bán phá giá ván dán* và việc áp thuế đối ứng của Hoa Kỳ đối với ngành hàng *gỗ và sản phẩm gỗ* để ứng phó kịp thời giảm thiểu tác động tiêu cực).

- Đàm phán, mở cửa thị trường đối với các sản phẩm có tiềm năng gia tăng thị phần xuất khẩu nhằm thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch, mở cửa thị trường tiềm năng, chuyển hướng thị trường (*thúc đẩy ký kết Nghị định thư về thủy sản khai thác và thủy sản sống; Thúc đẩy nhanh tiến trình mở cửa thị trường cho sản phẩm vải vào Hàn Quốc; chanh leo vào Hoa Kỳ; bưởi vào Trung Quốc, Nhật Bản, Úc; Đàm phán mở cửa thị trường xuất khẩu thịt gia cầm chế biến nhiệt sang Singapore; Hoàn thiện hồ sơ quốc gia xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa sang Nhật Bản...*).

- Nắm bắt thông tin, theo dõi việc thông quan, xuất nhập khẩu nông sản qua khu vực cửa khẩu biên giới phía Bắc để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh vào thời điểm thu hoạch chính vụ nông sản 6 tháng cuối năm và dịp Tết nguyên đán (*nhãn, xoài, chuối tại Sơn La, Đồng Tháp; sầu riêng, thanh long tại Lâm Đồng; thủy sản, lúa gạo tại Cần Thơ,...*).

- Bổ sung và duy trì các hoạt động phát triển thị trường, xúc tiến thương mại ở trong và ngoài nước để thúc đẩy tiêu thụ: (i) Tiếp tục tăng cường tổ chức các Diễn đàn 970 kết nối tiêu thụ nông sản theo chuyên đề từng nhóm ngành hàng tại từng khu vực vùng miền. Trong 6 tháng cuối năm, tổ chức kết nối tiêu thụ cho các sản phẩm rau quả và thủy sản tại khu vực phía Nam, tổ chức kết nối tiêu thụ các sản phẩm vào vụ thu hoạch lớn như rau vụ đông tại khu vực phía Bắc,...; (ii) Tổ chức các đoàn công tác kết hợp tháo gỡ vướng mắc, rào cản thị trường xuất khẩu và kết nối xuất khẩu tại các thị trường truyền thống như Trung Quốc, thị trường tiềm năng như Úc – New Zealand.

- Nghiên cứu phát triển chuỗi cung ứng cho nhóm nông sản chuyên biệt đạt tiêu chuẩn Halal, hữu cơ nhằm tăng khả năng thâm nhập nhóm thị trường ngạch cao cấp.

- Tăng cường nắm bắt, cập nhật, cung cấp thông tin, dự báo thị trường.

- Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan, địa phương để ưu tiên thông quan đối với hàng nông sản, đặc biệt hàng nông sản đang vụ thu hoạch, xuất khẩu dạng tươi sống, hỗ trợ kết nối, thúc đẩy chế biến, tiêu thụ các sản phẩm. Kịp thời thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp, người dân chủ động điều chỉnh phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với biến động về chính sách, diễn biến thị trường xuất khẩu.

b) Tổ chức Hội nghị thúc đẩy xuất khẩu nông sản đảm bảo mục tiêu tăng trưởng năm 2025: Nhằm đánh giá và rà soát kỹ lưỡng tình hình sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực để có định hướng chỉ đạo trong 6 tháng cuối năm 2025. Tổ chức “Hội nghị thúc đẩy xuất khẩu nông sản đảm bảo mục tiêu tăng trưởng năm 2025” (trung tuần tháng 8/2025) để cập nhật tình hình, trao đổi thông tin trực tiếp từ các bộ ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp. Trên cơ sở kiến nghị, đề xuất của địa phương, doanh nghiệp, Bộ xây dựng

kế hoạch hành động cụ thể cho từng ngành hàng và từng thị trường xuất khẩu, thị trường nội địa.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc với một số địa phương và Hiệp hội ngành hàng nhằm phối hợp, hỗ trợ triển khai các giải pháp cụ thể:

- Làm việc với một số địa phương có sản lượng sản xuất lớn các mặt hàng chủ lực để thống nhất điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tiêu thụ phù hợp với khả năng tiêu thụ trong 6 tháng cuối năm; hỗ trợ các địa phương trong tuyên truyền, quảng bá, kết nối chuyển hướng tiêu thụ tại thị trường nội địa và các thị trường xuất khẩu có tiềm năng khác (*Đề xuất các địa phương như Gia Lai, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai: mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ; Cần Thơ, Đồng Tháp, Cà Mau, An Giang, Lâm Đồng mặt hàng thủy sản, rau quả, lúa gạo*).

- Làm việc với một số Hiệp hội ngành hàng có sản lượng và giá trị xuất khẩu lớn vào thị trường Hoa Kỳ để tính toán lượng xuất khẩu sụt giảm cụ thể khi chịu thuế đối ứng, đề xuất phương án chuyển hướng thị trường (*Đề xuất các Hiệp hội: gỗ và lâm sản, thủy sản, hạt điều, hạt tiêu, rau quả, cà phê, cao su*).

3. Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm

- Triển khai kế hoạch công tác bảo đảm ATTP năm 2025. Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tạo môi trường thuận lợi và động lực cho người dân, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn, bền vững.

- Cung cấp kịp thời, chính xác cho các Báo, Đài thông tin về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo ATTP nông lâm thủy sản; phối hợp phổ biến pháp luật chất lượng, ATTP, truyền thông quảng bá sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, an toàn.

- Đôn đốc, hỗ trợ các địa phương triển khai Đề án Đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng NLTS giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản năm 2025 đúng tiến độ; Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ; tiếp tục nhân rộng số lượng, mở rộng quy mô chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn; xây dựng các chuỗi cung ứng ngành hàng, chuỗi giá trị nông lâm thủy sản tại địa phương (từ vùng nguyên liệu, nhà máy, chợ/ trung tâm thương mại, xuất khẩu).

- Duy trì giám sát, cảnh báo, thanh tra, kiểm tra đột xuất phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm cơ sở, sản phẩm vi phạm quy định về chất lượng, ATTP; tổ chức đánh giá, chỉ định, giám sát cơ sở kiểm nghiệm ATTP theo quy định. Chủ động xử lý sự cố mất an toàn thực phẩm; Cung cấp kịp thời, chính xác cho các cơ quan truyền thông thông tin quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo an toàn thực phẩm nông

lâm thủy sản.

4. Đầu tư xây dựng cơ bản

- Quán triệt nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, quyết liệt triển khai các giải pháp đã đề ra tại các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, tập trung đẩy mạnh giải ngân các dự án đầu tư công trọng điểm đảm bảo thủ tục pháp lý, hiệu quả, chất lượng. Nghiên cứu giao chỉ tiêu giải ngân vốn đầu tư công hàng tháng, quý đến từng chủ đầu tư, coi chỉ tiêu giải ngân là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

- Hoàn thiện và bảo vệ Kế hoạch đầu tư công năm 2026 và Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

- Tập trung chỉ đạo tháo gỡ các tồn tại, vướng mắc các dự án đặc biệt là các dự án kéo dài như: Cánh Tạng, Bản Mòng, Krông Pách Thượng, Ia Mor.

- Yêu cầu các chủ đầu tư tranh thủ mùa khô đẩy nhanh tiến độ thi công, quản lý chặt chẽ chất lượng, tiến độ, an toàn, chi phí; nắm sát tình hình vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB, có văn bản gửi UBND các tỉnh và Lãnh đạo Bộ làm việc trực tiếp với địa phương để xử lý sớm các tồn tại, vướng mắc.

- Rà soát dự án đủ điều kiện (nguồn vốn, giải phóng mặt bằng...), đôn đốc chủ đầu tư trình kế hoạch, tiếp tục lựa chọn nhà thầu, tổ chức triển khai gói đầu trung hạn để đáp ứng tiến độ thực hiện, giải ngân.

- Đôn đốc các Chủ đầu tư, Ban QLDA: Chỉ đạo nhà thầu tư vấn khẩn trương tổ chức đấu thầu xây lắp cho các dự án dự kiến khởi công năm 2025; Kiểm tra thực địa, đôn đốc thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn./.